

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 12 – 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đường Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Liên – Ông Trần Văn Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Minh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 713/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố X, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông Nguyễn Trọng T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/7/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu phố X, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T nhậu nhẹt, cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình; nhiều lần còn hành hung cả vợ con. Gia đình hai bên có hòa giải nhiều

lần nhưng ông T không thay đổi tính tình. Năm 2019 và năm 2022, bà đã làm đơn xin ly hôn với ông T tại Tòa án nhưng sau đó bà rút đơn vì ông T năn nỉ để vợ chồng được đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi vợ chồng tiếp tục chung sống thì ông T vẫn không thay đổi tính tình, vẫn chứng nào tật nấy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích làm ảnh hưởng đến việc học tập và cuộc sống của các con. Mặc dù, vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trọng T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thu V – sinh ngày 24/3/2003; Nguyễn Thị Thu P – sinh ngày 03/5/2006; Nguyễn Thái K – sinh ngày 24/6/2009. Cháu V hiện đã trưởng thành, có thể lao động tự túc được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thu P và Nguyễn Thái K. Hiện nay bà đang làm thuê với mức thu nhập hàng tháng 4.000.000 đồng, ngoài ra bà còn trồng thêm táo thu nhập khoảng 20.000.000 đồng đủ khả năng lo cho các con. Vì vậy, bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng T đã được Tòa án Thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ và niêm yết theo đúng quy định pháp luật để ông T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng ông T từ chối tham gia tố tụng, nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai ghi nhận ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Trọng T quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo tố tụng tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tại phiên tòa bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là thực hiện đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Trọng T.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu P – sinh ngày 03/5/2006; Nguyễn Thái K – sinh ngày 24/6/2009 cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày ý kiến và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Trọng T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại khu phố X, phường V, thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn Trọng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy báo lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do; Điều này chứng tỏ ông T đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Trọng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 132 ngày 25/7/2003, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà L trình bày lý do xin ly hôn với ông T: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, nhiều lần còn hành hung cả vợ con. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng ông T không thay đổi tính tình. Mặc dù, vợ chồng vẫn còn sống chung nhưng không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống.

Quá trình giải quyết vụ án, các con bà L và ông T đều trình bàycác con thường xuyên chứng kiến ba mẹ nhiều lần cãi nhau, to tiếng làm ảnh hưởng đến việc học tập và giấc ngủ của con, nhiều lúc ba cũng có đánh mẹ, mong Tòa xem xét giải quyết cho mẹ được ly hôn với ba để mẹ và các con được ổn định cuộc sống..... Ngoài ra, bà L còn cung cấp cho Tòa án 02 Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 108/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2019 và Quyết định số 159/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2022; điều này thể hiện bà L đã nộp đơn ly hôn và đã rút đơn để ông T có cơ hội thay đổi và cải thiện tình cảm vợ chồng. Tuy

nhiên, sau khi về sống chung bà L và ông T vẫn không giải quyết được mâu thuẫn của vợ chồng, do đó bà tiếp tục nộp đơn đến Tòa án chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông T đã không còn.

Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên gặp gỡ, trao đổi, khắc phục mâu thuẫn để quay về đoàn tụ, tuy nhiên bà L vẫn cương quyết ly hôn. Ông T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L; Tại phiên hòa giải, ông T cũng không có mặt theo giấy triệu tập nên không tiến hành hòa giải được, điều này chứng tỏ ông T có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thu V – sinh ngày 24/3/2003; Nguyễn Thị Thu P – sinh ngày 03/5/2006; Nguyễn Thái K – sinh ngày 24/6/2009. Cháu V hiện đã trưởng thành, có thể lao động tự túc được, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu P và cháu K khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Cháu P và cháu K từ trước đến nay đều sống cùng với bà L và cả 02 cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Bà L có nghề nghiệp, có thu nhập và chỗ ở ổn định để nuôi con nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Thu P và Nguyễn Thái K cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Trọng T không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Loan không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Trọng T.
2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Thu P – sinh ngày 03/5/2006; Nguyễn Thái K – sinh ngày 24/6/2009 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Trọng T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0004502 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - VKSND TP. PR-TC;
 - Chi cục THADS TP. PR-TC;
 - TAND tỉnh Ninh Thuận;
 - UBND phường Văn Hải
- (Giấy CNKH số 132, quyển số 01/2003 ngày 25/7/2003);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đường Nguyễn Thanh Thảo

